

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2026.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 580/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2026/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Hoài A**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **Tổ E, ấp T, xã A (Áp E, xã T, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Ông **Trần Vĩnh P**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Tổ E, ấp T, xã A (Áp E, xã T, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.**

(Bà **A**, ông **P** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2025 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà **Đinh Thị Hoài A** trình bày:***

Bà với ông **Trần Vĩnh P** là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2019 vào ngày 16/5/2019 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai**. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc 04 năm sau khi kết hôn, đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn nhưng không đồng lòng nhất quan điểm, không có tiếng nói chung. Cuộc sống hôn

nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và xô xát với nhau. Ngoài ra ông P liên tục về kiểm có chửi mắng bà, có lần còn hành hung bà, ông P nhiều lần lời qua tiếng lại, lớn tiếng gây hoang mang sợ hãi cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay hơn 01 năm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Vĩnh P.

+ Về con chung: Có 01 con chung Trần Hoài Bảo N, sinh ngày 07/11/2020. Hiện nay, cháu Trần Hoài Bảo N đang sống chung với bà nên bà yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Bà không yêu cầu ông Trần Vĩnh P cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Do ở tính chất công việc bà phải di chuyển nhiều địa phương nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng ông Trần Vĩnh P vắng mặt không ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/9/2025; CCCD Đình Thị Hoài A1; CCCD Trần Vĩnh P; Giấy khai sinh Trần Hoài Bảo N; Giấy chứng nhận kết hôn; Hợp đồng ủy quyền ngày 25/9/2025; Bản tự khai ngày 17/11/2025, ngày 03/02/2026; Đơn đề nghị về việc xác minh thu thập chứng cứ ngày 17/11/2025; Kết quả xác minh tại Công an xã A; Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A; Đơn xin vắng mặt ngày 03/3/2026 của bà A1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Bà A1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A1, ông P.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà A1, ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn đoàn tụ được, bà A1 xin ly hôn, yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà A1 ly hôn ông P.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Hoài Bảo N, sinh ngày 07/11/2020. Cháu N đang sống chung với bà A1 nên bà yêu cầu sau khi ly hôn được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bà A1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà **Â1** chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn bà **Đinh Thị Hoài Â**, bị đơn ông **Trần Vĩnh P**; bà **Â** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **P** vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà **Â**, ông **P**.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Â**, ông **P** tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **L**, tỉnh **Đông Nai** nay là Ủy ban nhân dân xã **A**, tỉnh **Đông Nai** cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2019 vào ngày 16/5/2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà **Â** trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn nhưng không đồng nhất quan điểm, không có tiếng nói chung. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và xô xát với nhau. Ngoài ra, ông **P** liên tục về kiểm soát chửi mắng bà, ông **P** nhiều lần lòi qua tiếng lại, lớn tiếng gây hoang mang sợ hãi cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng ông **P** không đến.

Xét vợ chồng bà **Â**, ông **P** có mâu thuẫn không hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho bà **Â** được ly hôn với ông **P** là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Â**, xử cho bà **Â** được ly hôn ông **P**.

Về con chung: Có 01 con chung **Trần Hoài Bảo N**, sinh ngày 07/11/2020. Cháu **N** đang sống chung với bà **Â**, bà **Â** yêu cầu sau khi ly hôn giao cháu **N** cho bà **Â** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **N**, bà không yêu cầu ông **P** cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu **N** cho bà **Â** nuôi dưỡng, ông **P** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét.

[3] Về án phí: Bà **Đinh Thị Hoài Â** chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị Hoài Á** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với ông **Trần Vĩnh P**, xử cho bà **Đinh Thị Hoài Á** được ly hôn ông **Trần Vĩnh P**.

- Về con chung: Xử giao cháu **Trần Hoài Bảo N**, sinh ngày 07/11/2020 cho bà **Đinh Thị Hoài Á** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **Trần Vĩnh P** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà **Đinh Thị Hoài Á** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003919 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà **Đinh Thị Hoài Á**, ông **Trần Vĩnh P** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận: T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai (1); **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã An Phước (xã Tam An cũ)
GCNKH số 31/2019 ngày 16/5/2019 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

Nguyễn Ngọc An

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Ngọc Đẹp Nguyễn Ngọc An

